TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 22/8/2024
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Bà Phan Thị Thu Hương

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Phạm Thanh Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2024/HNGĐ-ST, ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2024/QĐ-PT ngày 25/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 42/2024/QĐ-PT ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: K, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ hiện nay: K1/35, ấp T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết X**, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: K, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ hiện nay: Nhà không số, tổ B, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà X: Luật sư **Dương Đức V**, sinh năm 1992 – Văn phòng L Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Địa chỉ: Số B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số A N, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm:

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà X tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng càng về sau thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà X sống hay bất hoà với ông H, gia đình chồng và hàng xóm nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chửi bới và xúc phạm nhau từ nhiều năm nay. Sau đó, bà X và hai con tự ra ngoài tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai sống hơn một năm nay. Trong thời gian ly thân, cả hai vợ chồng không ai qua lại hỏi han, nói chuyện hay chia sẻ gì với nhau. Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà X.

Về con chung: Ông H và bà X có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh P, sinh ngày 26/3/1993 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 26/01/1997. Các con chung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết X trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà X cho rằng trong thời gian chung sống với ông H, bà X bị các chị chồng gây khó khăn, chèn ép chứ tình cảm vợ chồng không mâu thuẫn gì lớn. Bà X rất thương chồng và mong muốn có thời gian chăm sóc chồng những lúc ốm đau. Việc ông H muốn ly hôn với bà X là do các chị chồng xúi giục nên ông H mới làm đơn xin ly hôn với bà X. Mặt khác, việc bà X và các con ra ngoài sinh sống tại phường H hơn một năm nay là do gia đình ông H lấy lại nhà để cho thuê để lấy tiền thuê hàng tháng

nên mới đuổi mẹ con bà ra ngoài. Bà X xác định còn thương chồng nên ông H làm đơn xin ly hôn thì bà X không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông H và bà X có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh P, sinh ngày 26/3/1993 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 26/01/1997. Các con chung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà X trình bày có nhà và đất toạ lạc tại địa chỉ K, ấp T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và nhà, đất tại địa chỉ K, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hiện tại bà X không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2024/HNGĐ-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã:***

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H. Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết X.

2. Về con chung: Ông bà có 02 cháu tên Nguyễn Ngọc Anh P, sinh ngày 26/3/1993 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 26/01/1997. Các cháu đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các bên trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/02/2024, bà Nguyễn Thị Tuyết X có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Dương Đức V phát biểu quan điểm:***

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết X là chưa toàn diện, khách quan. Qua quá trình xét hỏi, làm rõ nội dung vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy ông H và bà X đã kết hôn hơn 30 năm (từ năm 1995) và có 02 con chung; thực tế hôn nhân giữa vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra nhưng không đáng kể. Bản thân bà X luôn làm đúng bổn phận người vợ, người mẹ trong gia đình. Tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác minh mâu thuẫn giữa vợ chồng địa phương không nắm được, thể hiện giữa ông H và bà X cũng không có mâu thuẫn gì lớn.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về Ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: "*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Như vậy, giữa ông H và bà X đều không có những hành vi nêu trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết X; Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2024/HNGĐ-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo hướng không chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:***

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Ngày 24/02/1995, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết X tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã. Cả ông H và bà X đều thừa nhận cả

hai đã sống ly thân hơn một năm nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không còn qua lại, quan tâm hay chia sẻ gì với nhau, bà X không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà và ông H đều không có phương án để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ với nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân giữa ông H và bà X không còn đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà X là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết X.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2024/HNGĐ-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết X làm trong hạn luật định, đương sự đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết X chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông H thì thời gian đầu quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng càng về sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm cũng như lối sống. Sau đó, cách hơn 01 năm nay, bà X và hai con tự ra ngoài tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Trong thời gian ly thân, cuộc sống chung của cả hai không thể hòa hợp, không còn sự quan tâm, yêu thương và sẻ chia, không thể hàn gắn đoàn tụ. Đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài, tình cảm không còn nên ông H làm đơn xin được ly hôn với bà X.

Tuy nhiên, theo bà X, bà không đồng ý ly hôn với ông H vì cho rằng trong thời gian chung sống với ông H, bà X bị các chị chồng gây khó khăn, chèn ép, còn tình cảm vợ chồng không mâu thuẫn gì lớn. Việc bà X và các con ra ngoài sinh sống tại phường H hơn một năm nay là do gia đình ông H lấy lại nhà để cho thuê để lấy tiền thuê hàng tháng nên mới đuổi mẹ con bà ra ngoài. Bà X không muốn ly hôn vì bà còn thương ông H và mong muốn có thời gian chăm sóc ông H những lúc ốm đau.

Hội đồng xét xử xét thấy tuy ông H và bà X đã sống ly thân hơn một năm nay và trong thời gian ly thân, cả hai không qua lại, quan tâm hay chia sẻ gì cho nhau. Tuy nhiên, xét bà X và các con ra khỏi nhà ông H có nguyên nhân mâu thuẫn từ gia đình chồng và từ đó đến nay, thời gian bà X và các con đều không nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ phía ông H và cũng chưa có điều kiện để hòa giải, hàn gắn mà ông H đơn phương xin ly hôn. Xét ông H và bà X có thời gian chung sống, gắn bó nhau hơn 30 năm và cùng có 02 con, mâu thuẫn theo xác minh địa phương không nắm rõ và bà X cương quyết không đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét chưa đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên chấp nhận kháng cáo của bà X, tạo thêm cơ hội vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà X có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh P, sinh ngày 26/3/1993 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 26/01/1997. Các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông H trình bày không có tài sản chung; bà X xác định có tài sản chung là 01 căn nhà và đất toạ lạc tại địa chỉ K, ấp T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và 01 căn nhà và đất toạ lạc tại địa chỉ K, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nhưng không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Trường hợp, các bên có phát sinh tranh chấp đối với yêu cầu này thì được quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[2.4] Về nợ chung: Ông H và bà X đều trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Tuyết X không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà X tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; nhưng như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà X, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà X phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết X;

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2024/HNGĐ-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 56; 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H đối với bà Nguyễn Thị Tuyết X.

2. Về con chung: Ông H và bà X có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh P, sinh ngày 26/3/1993 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 26/01/1997. Các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các bên trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí sơ thẩm.

- Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết X không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà X 300.000 đồng (Ba

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002466 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

6. Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Triệu Thị Huỳnh Hoa